

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 107/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2019

V/v Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuyên.
2. Ông Hồ Huy Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 586/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ 20, C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: Tổ 12, khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Thái Thị N, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ 20, ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn P trình bày:

Ông và bà Thái Thị N bắt đầu chung sống như vợ chồng từ năm 1992, hôn nhân tự nguyện không bị ai ép buộc, không có tổ chức lễ cưới nhưng có làm lễ tuyên bố và không có đăng ký kết hôn do không am hiểu pháp luật. Ngày làm lễ tuyên bố gia đình ông có cho bà N 01 đôi bông tai 0,5 chỉ vàng 24K. Hiện số nữ trang này không còn do ông bà đã bán để sinh hoạt trong gia đình.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông bà chung sống không hạnh phúc vì thường xuyên xảy ra cãi nhau về nhiều vấn đề nhỏ trong gia đình. Đến tháng 10 năm 2010 ông bỏ đi về Khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh sinh sống và

làm ăn cho đến nay, ông bà ly thân nhau từ thời gian này nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông bà có 01 người con tên Huỳnh Nguyên Đ, sinh ngày 19-5-1995. Hiện cháu Đ đã thành niên nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên ông không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Thái Thị N trình bày:

Bà thống nhất như lời trình bày của ông P về hôn nhân và ông bà chung sống không có đăng ký kết hôn nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông P.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Huỳnh Nguyên Đ, sinh ngày 19-5-1995 như ông P trình bày. Bà không yêu cầu giải quyết đối với cháu Đ vì đã thành niên.

Về tài sản chung: Không có nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên bà không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ông P và bà N vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông bà có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Về hôn nhân: Ông P và bà N chung sống với nhau vào năm 1992, trước đó có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Khi chung sống ông bà đã đủ điều kiện kết hôn, nhưng ông bà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của ông bà không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy, căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông bà là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 01 người con chung tên Huỳnh Nguyên Đ, sinh ngày 19-5-1995. Hiện cháu Đ đã thành niên, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông bà không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có nên ông bà không yêu cầu giải quyết.

[3] *Về án phí:* Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. *Tuyên bố:* Không công nhận ông Huỳnh Văn P và bà Thái Thị N là vợ chồng.

2. *Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:*

Về con chung: Hiện cháu Huỳnh Nguyên Đ, sinh ngày 19-5-1995 đã thành niên, có khả năng lao động nên không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu giải quyết.

3. *Án phí:* Ông P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009533 ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ghi nhận ông P đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Thanh Phước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tuấn Anh